

Số: 106/QĐ-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Thông tư số 96/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 22/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành “**Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO**” bao gồm 02 Chương và 15 Điều (Quy chế kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc, các Phó Giám đốc; Trưởng các phòng ban; Người được ủy quyền công bố thông tin; Người phụ trách quản trị và các cá nhân, đơn vị liên quan của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu HCNS.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Số hiệu: 01/QC- HĐQT

(Ban hành theo Quyết định số: ~~106~~/QĐ-HĐQT ngày 27/3/2024
Của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty)

IDICO - INCON
ISO 9001 : 2015



TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
Địa chỉ: Số 100 Nguyễn Gia Trí - P.25 - Q. Bình Thạnh - TP.HCM
ĐT: 028.38995588 - Fax: 028.38995588 - www.idico-incon.com.vn

Tp. Hồ Chí Minh - 3/2024

IDICO-INCON	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Số hiệu: 01/QC-HĐQT
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 27/3/2024
		Trang: 2/12

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Mục đích.....	3
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh.....	3
Điều 3. Đối tượng áp dụng	3
Điều 4. Căn cứ pháp lý/tài liệu tham khảo.....	3
Điều 5. Định nghĩa và từ viết tắt	3
Điều 6. Nguyên tắc công bố thông tin	6
Điều 7. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin	7
CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	8
Điều 8. Lưu đồ thực hiện	8
Điều 9. Các nội dung công bố thông tin.....	10
Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin, điều chỉnh nội dung CBTT	10
Điều 11. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng liên quan	11
Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin.....	11
Điều 13. Thẩm quyền xử lý vi phạm.....	11
Điều 14. Triển khai thực hiện	12
Điều 15. Phụ lục, biểu mẫu liên quan	12

IDICO-INCON	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Số hiệu: 01/QC- HĐQT
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 27/3/2024
		Trang: 3/12

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích:

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh:

Quy trình này áp dụng đối với hoạt động công bố thông tin tại Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO.

Điều 3. Đối tượng áp dụng:

- Người công bố thông tin, người được ủy quyền công bố thông tin;
- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người phụ trách quản trị;
- Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Hành chính nhân sự, các phòng ban nghiệp vụ;
- Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 4. Căn cứ pháp lý/Tài liệu tham khảo:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14/7/2021;
- Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của Tổng giám đốc SGDCK Hà Nội;
- Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Việt Nam và các công ty con ban hành theo quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng giám đốc SGDCK Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO.

Điều 5. Định nghĩa và các từ viết tắt:

1. Định nghĩa:

Từ ngữ nghiệp vụ	Diễn giải
Người nội bộ của Công ty	- Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức

IDICO-INCON	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Số hiệu: 01/QC- HDQT
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 27/3/2024
		Trang: 4/12

Từ ngữ nghiệp vụ	Diễn giải
	<p>danh quản lý tương đương do ĐHCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm;</p> <p>- Người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.</p>
Ngày công bố thông tin	Ngày thông tin xuất hiện trên một trong các Phương tiện báo cáo, CBTT quy định tại Điều 7 Quy chế này.
Ngày báo cáo về việc công bố thông tin	Ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống CBTT của UBCKNN, SGDCKHN hoặc ngày UBCKNN, SGDCKHN nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
Văn bản hợp lệ	<p>Bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:</p> <p>- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.</p> <p>- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).</p>
Bản scan văn bản	Phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.
Dữ liệu điện tử dùng công bố thông tin	Dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode)
Người công bố thông tin	<p>Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền CBTT. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN, HNX trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.</p>
Người có liên quan	<p>Cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:</p> <p>- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;</p> <p>- Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;</p>

IDICO-INCON	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Số hiệu: 01/QC- HĐQT
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 27/3/2024
		Trang: 5/12

Từ ngữ nghiệp vụ	Diễn giải
	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát; - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó; - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia; - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của luật doanh nghiệp 59/2020/QH14.
Người phụ trách quản trị	Người phụ trách quản trị Công ty tham gia vào việc hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
Bộ phận Cung cấp thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Các phòng ban, người nội bộ của Công ty có phát sinh các nội dung phải CBTT theo quy định. - Các cá nhân thuộc đối tượng và phát sinh các nội dung phải CBTT theo quy định.
Bộ phận Rà soát	Các phòng ban, cá nhân được giao nhiệm vụ rà soát nội dung CBTT.
Người phê duyệt CBTT	Người đại diện theo pháp luật của Công ty (Giám đốc), chủ tịch HĐQT có thẩm quyền phê duyệt các nội dung báo cáo cần CBTT theo quy định.
Tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

2. Từ viết tắt:

Từ ngữ viết tắt	Diễn giải
Công ty	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
IDS PLUS	Hệ thống CBTT của UBCKNN
SGDCKHN/HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

IDICO-INCON	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Số hiệu: 01/QC-HĐQT
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 27/3/2024
		Trang: 6/12

Từ ngữ viết tắt	Diễn giải
CIMS	Hệ thống CBTT của SGDCKHN
VSDC	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
TTCKVN	Thị trường chứng khoán Việt Nam
CBTT	Công bố thông tin
HĐQT	Hội đồng quản trị
BCTC	Báo cáo tài chính
CDL	Cổ đông lớn
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
CTĐC	Công ty đại chúng
NNB	Người nội bộ
NCLQ	Người có liên quan
Phòng TCKT	Phòng Tài chính Kế toán
Phòng HCNS	Phòng Hành chính nhân sự

Điều 6. Nguyên tắc công bố thông tin:

- Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
- Đối tượng CBTT theo quy định tại Điều 3 Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
- Khi CBTT, Đối tượng CBTT theo quy định tại Điều 3 Quy chế này phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCKHN về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
- Việc CBTT cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
- Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 6 Quy chế này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCKHN 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCKHN thực hiện công khai thông tin.

IDICO-INCON	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Số hiệu: 01/QC- HĐQT
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 27/3/2024
		Trang: 7/12

6. Đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ thông tin đã công bố, báo cáo như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu trữ và truy cập trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm.

Điều 7. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin:

Stt	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện báo cáo, CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. (*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	- Bản mềm: Hệ thống CBTT của UBCKNN-IDS. - Bản cứng: Gửi bản cứng công văn CBTT bằng đường thư tới UBCKNN.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	- Bản mềm: Hệ thống CBTT của SGDCKHN-CIMS. - Bản cứng: Gửi bản cứng công văn CBTT bằng đường thư tới SGDCKHN.
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	- Bản mềm: Trang thông tin điện tử của VSDC. - Bản cứng: Gửi bản cứng công văn CBTT bằng đường thư đến VSDC. Báo tin, báo điện tử, v.v...

(*) Lưu ý:

- Thông tin dưới hình thức văn bản: phải có đầy đủ dấu và chữ ký của người có thẩm quyền. Văn bản có thể gửi bằng đường bưu điện hoặc fax. Nếu gửi qua fax thì bản chính phải được gửi qua đường bưu điện trong vòng 24 giờ kể từ thời gian chuyển fax.

- Trường hợp nghỉ vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện CBTT trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

- Trong chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (nếu có), Quy chế hoạt động HĐQT, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ,

IDICO-INCON	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Số hiệu: 01/QC-HĐQT
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 27/3/2024
		Trang: 8/12

bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật.

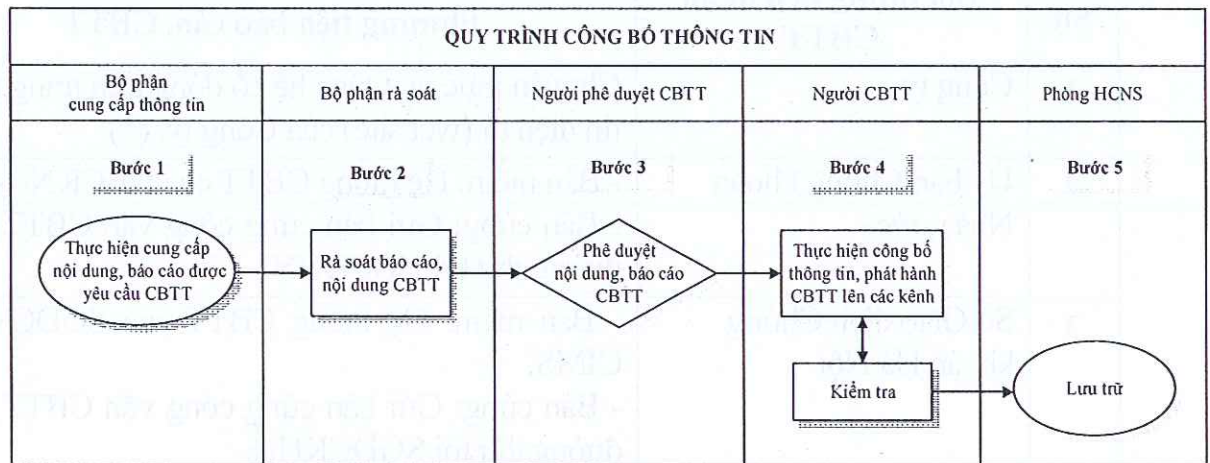
- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 8. Lưu đồ thực hiện:

Áp dụng đối với các bộ phận liên quan theo quy định tại Điều 3 Quy chế này

1. Lưu đồ:



2. Diễn giải chi tiết:

Bước	Công việc	Trách nhiệm	Mô tả chi tiết	Yêu cầu kết quả	Rủi ro
1	Thực hiện cung cấp nội dung, báo cáo được yêu cầu CBTT	Bộ phận Cung cấp thông tin	Bộ phận Cung cấp thông tin chủ động lập các báo cáo, tài liệu CBTT định kỳ hoặc bất thường để chuyển Bộ phận Rà soát bằng file mềm qua email Công ty. Trong trường hợp xảy ra các yêu cầu CBTT bất thường 24 giờ, Bộ phận Cung cấp thông tin phải thực hiện lập tài liệu, báo cáo CBTT trong thời hạn tối đa 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Hiểu rõ các quy định về CBTT, Lập báo cáo, tài liệu chính xác, đầy đủ, kịp thời	Không nhận thức rõ các thông tin phải CBTT. Lập báo cáo, tài liệu không chính xác, đầy đủ kịp thời

IDICO-INCON	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Số hiệu: 01/QC- HĐQT
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 27/3/2024
		Trang: 9/12

Bước	Công việc	Trách nhiệm	Mô tả chi tiết	Yêu cầu kết quả	Rủi ro
2	Rà soát các báo cáo, nội dung CBTT	Bộ phận Rà soát	Bộ phận Rà soát thực hiện rà soát, đối chiếu, kiểm tra nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ hoặc bất thường trước khi trình duyệt. Trong trường hợp xảy ra sự kiện yêu cầu CBTT bất thường trong thời gian 24 giờ, Bộ phận Rà soát phải thực hiện rà soát, kiểm tra tài liệu, báo cáo CBTT trong thời hạn tối đa 24 giờ kể từ khi nhận được tài liệu CBTT từ Bộ phận Cung cấp thông tin.	Đảm bảo nội dung các báo cáo, tài liệu đầy đủ, kịp thời và phù hợp	Nội dung các báo cáo, tài liệu không đầy đủ, kịp thời và phù hợp
3	Phê duyệt nội dung, báo cáo CBTT	Người phê duyệt CBTT	Người phê duyệt CBTT xem xét và phê duyệt các nội dung, báo cáo cần CBTT. Trong trường hợp xảy ra sự kiện yêu cầu CBTT bất thường trong thời gian 24 giờ, Người phê duyệt CBTT phải thực hiện phê duyệt các tài liệu, báo cáo CBTT trong thời hạn tối đa 02 giờ kể từ khi nhận được tài liệu CBTT từ Bộ phận Cung cấp thông tin.	Chịu trách nhiệm về nội dung, báo cáo CBTT và đúng thời hạn quy định	Nội dung báo cáo CBTT chưa đầy đủ hoặc chưa đúng thời hạn
4	Thực hiện CBTT	Người CBTT	<ul style="list-style-type: none"> - Người CBTT thực hiện CBTT theo quy định. Trong trường hợp xảy ra sự kiện yêu cầu CBTT bất thường trong thời gian 24 giờ, Người CBTT phải thực hiện CBTT trong thời hạn 02 giờ kể từ khi nhận được quyết định phê duyệt CBTT từ Người phê duyệt thông tin. - Người CBTT phát hành CBTT qua các kênh: website công ty, UBCKNN, Sở GDCK, VSDC. - Người CBTT kiểm tra các thông tin đã được đăng tải, tiếp nhận tại các kênh trên. 	CBTT đúng thời hạn đến UBCKNN Sở GDCK và Website Công ty	CBTT chậm so với thời hạn CBTT

IDICO-INCON	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Số hiệu: 01/QC- HDQT
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 27/3/2024
		Trang: 10/12

Bước	Công việc	Trách nhiệm	Mô tả chi tiết	Yêu cầu kết quả	Rủi ro
5	Lưu trữ	Phòng HCNS	Lưu trữ các nội dung CBTT đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định	Lưu trữ các nội dung CBTT đầy đủ, đúng thời hạn, dễ truy xuất	Lưu trữ các nội dung CBTT không đầy đủ, sai thời hạn, khó truy xuất

Điều 9. Các nội dung công bố thông tin:

- Các bộ phận liên quan theo quy định tại Điều 3 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định theo từng phụ lục cụ thể trong Quy chế này:

- + Công bố thông tin định kỳ: Phụ lục 1.1
- + Công bố thông tin bất thường: Phụ lục 1.2
- + Công bố thông tin khác: Phụ lục 1.3

- Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế này.
- Các biểu mẫu theo quy định tại Phụ lục 3 Quy chế này.

Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin, điều chỉnh nội dung công bố thông tin:

- Đối tượng CBTT được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng khác. Đối tượng CBTT phải báo cáo UBCKNN, Sở GD&ĐT về việc tạm hoãn CBTT ngay sau khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT. Ngay sau khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

- Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

Điều 11. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng liên quan:

- Người CBTT chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty với UBCKNN, Sở GD&ĐT, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các

IDICO-INCON	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Số hiệu: 01/QC- HĐQT
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 27/3/2024
		Trang: 11/12

phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người CBTT.

Điều chỉnh thông tin công bố:

- Trường hợp sau khi thực hiện CBTT, Công ty nhận được các ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin công bố, người được ủy quyền CBTT có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và bổ sung, sửa đổi (nếu có) các thông tin đó trong vòng 48 giờ, kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi. Thực hiện công bố bổ sung/đính chính các thông tin theo quy định.

- Người CBTT phải giám sát việc CBTT và báo cáo HĐQT kết quả thực hiện.

Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin:

- Các đối tượng được quy định tại Điều 3 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Việc xử lý vi phạm về CBTT được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

- Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế CBTT này.

- Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền của Giám đốc, Giám đốc sẽ báo cáo HĐQT xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 13. Thẩm quyền xử lý vi phạm:

- Đối với vi phạm phát sinh từ người CBTT: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của HĐQT.

- Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban trong Công ty: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Giám đốc.

Điều 14. Điều khoản thi hành:

- Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký; những văn bản quy định trước đây có liên quan và trái với Quy chế sẽ được bãi bỏ;

- Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ CBTT của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

- Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được HĐQT thông qua.

IDICO-INCON	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Số hiệu: 01/QC- HĐQT
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 27/3/2024
		Trang: 12/12

Điều 15. Phụ lục, biểu mẫu liên quan:

Stt	Tên tài liệu	Số hiệu
01	Phụ lục 1: Hướng dẫn công bố thông tin	
02	Phụ lục 2: Hướng dẫn công bố thông tin của các đối tượng khác	
03	Phụ lục 3: Các biểu mẫu	

Tp. HCM, ngày 27 tháng 3 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hoàng Tuấn Anh

PHỤ LỤC 1
HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/QĐ-CT ngày 2/3/2024)

PHỤ LỤC 1.1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Bộ phận rà soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo, CBTT
I. Báo cáo tài chính							
1	BCTC quý	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn 19 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Giám đốc Công ty	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
2	BCTC bán niên đã được soát xét (kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp thuận toàn phần)	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký BCTC soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Trong thời hạn 04 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký BCTC soát xét nhưng không được vượt quá 44 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Giám đốc Công ty	
3	- BCTC đã được kiểm toán (bao gồm báo cáo kiểm toán về BCTC đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo nhưng không	Trong thời hạn 9 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo nhưng không	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Giám đốc Công ty	

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Bộ phận Rà soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo, CBTT
	<p><i>không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC).</i></p> <p><i>- BCTC phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.</i></p>	<p>được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>	<p>được vượt quá 89 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>				
4	<p>Chú ý khi CBTT BCTC phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:</p> <p>- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</p> <p>- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo</p>	<p>CBTT đồng thời với BCTC cần giải trình</p>	<p>Cung cấp thông tin đồng thời với BCTC cần giải trình</p>	<p>Phòng TCKT</p>	<p>Phòng TCKT</p>	<p>Giám đốc Công ty</p>	

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Bộ phận Ra soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo, CBTT
	cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.						
II. Báo cáo thường niên							
5	Báo cáo thường niên <i>(Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm đã được kiểm toán)</i>	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời hạn 18 ngày sau ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 108 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Giám đốc Công ty	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
III. Báo cáo tình hình quản trị Công ty							
6	Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
7	Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày	Trong thời hạn 28 ngày kể từ	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty,

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Bộ phận Rà soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo, CBTT
		kết thúc năm dương lịch	ngày kết thúc năm dương lịch				UBCKNN, Sở GDCK
8	Bản cung cấp thông tin về quản trị Công ty theo Mẫu 07-CCTT: - Một bản báo cáo - Một bản dữ liệu điện tử theo định dạng Word/Excel	Gửi kèm báo cáo tình hình quản trị công ty đến SGDCKHN		Phòng TCKT	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, Sở GDCK
IV. Đại hội đồng cổ đông thường niên							
9	CBTT về ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu 19 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK, VSDC
10	CBTT về việc họp ĐHĐCĐ thường niên, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thường niên (<i>Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn</i>)	Tối thiểu 20 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thường niên (<i>Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn</i>)	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
11	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và bộ tài liệu kèm theo trong biên	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua nghị quyết và biên bản	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi thông qua nghị quyết và biên	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Bộ phận Rà soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo, CBTT
	bản, nghị quyết <i>Trường hợp ĐHĐCĐ thường niên thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn</i>	họp ĐHĐCĐ thường niên	bản họp ĐHĐCĐ thường niên				
V. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản							
12	CBTT về ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu 19 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK, VSDC
13	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình Nghị quyết	Trong thời hạn 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (<i>Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn</i>)	Trong thời hạn 9 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (<i>Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn</i>)	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
14	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ <i>Trường hợp ĐHĐCĐ thường niên thông qua việc</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và biên bản kiểm phiếu	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và biên bản kiểm phiếu lấy ý	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp thông tin	Bộ phận Rà soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo, CBTT
	<i>hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn</i>	lấy ý kiến cổ đông	kiến cổ đông				
VI. Danh sách cổ đông Nhà nước, cổ đông lớn							
15	Danh sách cổ đông Nhà nước, CDL tại thời điểm 6 tháng đầu năm dương lịch	Trong thời hạn là ngày 10/6 (căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/5)	Trong thời hạn là ngày 09/6 (căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/5)	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Giám đốc Công ty	Website Công ty, Sở GDCK
16	Danh sách cổ đông Nhà nước, CDL tại thời điểm 6 tháng cuối năm dương lịch	Trong thời hạn là ngày 10/12 (căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11)	Trong thời hạn là ngày 09/12 (căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11)	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Giám đốc Công ty	Website Công ty, Sở GDCK

PHỤ LỤC 1.2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG, CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU, CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU, CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp CBTT	Bộ phận Rà soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo CBTT
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG							
1	Đại hội đồng cổ đông bất thường						
a	CBTT về ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu 19 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK, VSDC
b	CBTT về họp ĐHĐCĐ bất thường, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ bất thường <i>(Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời gian khác dài hơn)</i>	Tối thiểu 20 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ bất thường <i>(Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời gian khác dài hơn)</i>	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
c	Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường và bộ tài liệu kèm theo trong biên	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp CBTT	Bộ phận Rà soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo CBTT
	bản, nghị quyết <i>Trường hợp ĐHĐCĐ bất thường thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	họp ĐHĐCĐ bất thường	bản họp ĐHĐCĐ bất thường				
2	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
3	Khi nhận được văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng HCNS	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp CBTT	Bộ phận Ra soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo CBTT
	ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh						
4	Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng HCNS	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GD&ĐT
5	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; sửa đổi; bổ sung; hoặc bị đình chỉ; thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng HCNS	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GD&ĐT
6	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GD&ĐT
7	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sát nhập doanh nghiệp), giải thể	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng HCNS	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GD&ĐT
8	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng HCNS	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GD&ĐT
9	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng HCNS	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GD&ĐT

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp CBTT	Bộ phận Rà soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo CBTT
10	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Người phụ trách quản trị	Người phụ trách quản trị	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
11	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Người phụ trách quản trị	Người phụ trách quản trị	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
12	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật)	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
13	Thông báo đơn vị kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm với Công ty hoặc thay đổi đơn vị kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng)	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
14	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
15	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có)	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp CBTT	Bộ phận Ra soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo CBTT
		sảy ra sự kiện	sảy ra sự kiện				
16	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
17	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với NNB hoặc NCLQ của NNB hoặc NCLQ của Công ty đại chúng.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
18	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng HCNS	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
19	Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (<i>Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty</i>)	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng HCNS	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
20	Công ty gửi (bản cứng) cho UBCKNN Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có)	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, Sở GDCK

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp CBTT	Bộ phận Rà soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo CBTT
	theo Mẫu 02-BCCTT của phụ lục số 03						
21	Trường hợp có sự thay đổi NCLQ của NNB, Công ty báo cáo cho Sở GDCK về thay đổi NCLQ của NNB theo mẫu	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, Sở GDCK
22	Trường hợp thành viên HĐQT, Kiểm soát viên có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại ĐHĐCĐ, tổ chức niêm yết thực hiện công bố đơn xin từ nhiệm	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng HCNS	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
23	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
24	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng HCNS	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp CBTT	Bộ phận Ra soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo CBTT
	công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ công ty						
25	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng HCNS	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GD&ĐT
26	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng HCNS	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GD&ĐT
27	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng HCNS	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GD&ĐT
28	Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Quan hệ cổ đông	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GD&ĐT
29	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi	Quan hệ cổ đông/ Người phụ	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GD&ĐT

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp CBTT	Bộ phận Rà soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo CBTT
	sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	xảy ra sự kiện	xảy ra sự kiện	trách quản trị			
30	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
31	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
32	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố BCTC cho giai đoạn giữa 2 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu năm tài chính mới	Trong thời hạn 9 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu năm tài chính mới	Phòng TCKT	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU							
	Theo yêu cầu của						

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp CBTT	Bộ phận Ra soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo CBTT
	UBCKNN, SGDCCK khi:						
	a. Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 20 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Quan hệ cổ đông	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
	b. Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 20 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Quan hệ cổ đông	Phòng TCKT	Người CBTT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK
C. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU							
1	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSDC, báo cáo cho SGDCCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện cho cổ đông hiện hữu và các tài liệu liên quan	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	Tối thiểu 19 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK, VSDC
		Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	Tối thiểu 9 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK, VSDC
2	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng trong thời hạn 05	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng trong thời hạn 05	Người phụ trách quản trị	Phòng TCKT	Chủ tịch HĐQT	SGDCCK, VSDC

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn hoàn thành CBTT	Bộ phận cung cấp CBTT	Bộ phận Rà soát	Người phê duyệt	Phương tiện báo cáo CBTT
	<p>thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ ký do hủy</p>	<p>ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng</p>	<p>ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng</p>				

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. CBTT về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty:

- Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCCK theo mẫu quy định tại **Mẫu 13-CĐL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDCCK theo **Mẫu 14-CĐL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. CBTT về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

- Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCCK khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

+ Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCCK và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu theo **Mẫu 15-GDNNB** hoặc **Mẫu 16-GDNNB** tại phụ lục 3 kèm theo Quy chế này.

+ Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCCK (*Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai*)

Ghi chú: NNB của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian, khối lượng và giá trị do SGDCCK công bố thông tin

+ Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCCK và Công ty về kết quả giao dịch theo **Mẫu 17-GDNNB hoặc Mẫu 18-GDNNB** tại Phụ lục 3 kèm theo quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

3. Ghi chú:

- NNB của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.












- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định.










- Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCCK và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

- Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên ...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với NNB và NCLQ.

- Trong thời hạn 3 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của Công ty và NCLQ của NNB, Công ty phải công bố trên website của Công ty

PHỤ LỤC 3: CÁC BIỂU MẪU

Stt	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
1	Mẫu 01-BCTN	 Mau 01-BCTN	Báo cáo thường niên (Phụ lục IV của Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
2	Mẫu 02-BCCTT	 Mau 02-BCCTT	Bản cung cấp thông tin người nội bộ (Phụ lục IV của Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
3	Mẫu 03-BCQT	 Mau 03-BCQT	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm (Phụ lục IV của Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
4	Mẫu 04-BC	 Mau 04-BC	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Mẫu số 01 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP)
5	Mẫu 05-THQ	 Mau 05-THQ	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Mẫu 07/THQ-Quyết định 09/QĐ-HĐTĐ ban hành ngày 10/8/2023)
6	Mẫu 06-DS	 Mau 06-DS	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty (Mẫu số 01 CBTT/SGDHN của Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
7	Mẫu 07-CCTT	 Mau 07-CCTT	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty (Mẫu NY-02-Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết)
8	Mẫu 08-TĐNNB	 Mau 08-TĐNNB	Thông báo thay đổi nhân sự (Mẫu số 02 CBTT/SGDHN của Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
9	Mẫu 09-TB	 MAU 09-TB	Thay đổi NCLQ của NNB (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
10	Mẫu 10-DK	 MAU 10-DK	Đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
11	Mẫu 11-TDCP	 MAU 11-TDCP	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)

Stt	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
12	Mẫu 12-CBTT	 MAU 12-CBTT	Công bố thông tin bất thường (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
13	Mẫu 13-CĐL	 MAU 13-CĐL	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn (Phụ lục VII của Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
14	Mẫu 14-CĐL	 MAU 14-CĐL	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của CĐL, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (Phụ lục VIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
15	Mẫu 15-GDNNB	 MAU 15-GDNNB	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của NNB và NCLQ của NNB (Phụ lục XIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
16	Mẫu 16-GDNNB	 MAU 16-GDNNB	Thông báo Giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của NNB và NCLQ của NNB (Phụ lục XIV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
17	Mẫu 17-GDNNB	 MAU 17-GDNNB	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của NNB và NCLQ của NNB (Phụ lục XV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
18	Mẫu 18-GDNNB	 MAU 18-GDNNB	Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu chuyển đổi của NNB và NCLQ (Phụ lục XVI - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
19	Mẫu 19-TBTĐNS	 MAU 19-TBĐKKD	Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy phép thành lập và hoạt động/giấy phép hoạt động (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
20	Mẫu 20-DSNNB	 MAU 20-DSNNB	Danh sách NNB và những NCLQ (Mẫu 03 CBTT/SGDHN của Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)